TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 7B Đường H, Tổ 4, Ấp 4A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Hồ Văn D, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25B Đường H, Tổ 4, Ấp 4A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/3/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc T trình bày:

Chị T và anh Hồ Văn D có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 20/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn, thường xuyên gây gổ do bất đồng về quan điểm sống. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Trương Hồ Ngọc Y, sinh ngày 05/05/2011; Trương Hồ Minh L, sinh ngày 03/7/2013; Hồ Anh T, sinh ngày 14/10/2015; Hồ Thanh T, sinh ngày 09/5/2020, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 04 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn D vắng mặt từ khi vụ án được thụ lý; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải cho đến phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Toà án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn đối với anh Hồ Văn D, đây là tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh D cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 20/7/2015, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Đời sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị T yêu cầu ly hôn anh D. Hội đồng xét xử xét thấy anh D đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xem xét các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét việc chị T yêu cầu ly hôn với anh D vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị T không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Về phía anh D đã được Tòa án tống

đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 04 con chung là Trương Hồ Ngọc Y, sinh ngày 05/05/2011; Trương Hồ Minh L, sinh ngày 03/7/2013; Hồ Anh T, sinh ngày 14/10/2015; Hồ Thanh T, sinh ngày 09/5/2020. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi bốn trẻ, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Y và trẻ L đã trên 07 tuổi đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, hai trẻ T và T đã quen được mẹ trực tiếp chăm sóc, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 04 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[6] Về tài sản chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc T ly hôn anh Hồ Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là Trương Hồ Ngọc Y, sinh ngày 05/05/2011; Trương Hồ Minh L, sinh ngày

03/7/2013; Hồ Anh T, sinh ngày 14/10/2015; Hồ Thanh T, sinh ngày 09/5/2020. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị T chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0085855 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- UBND xã Tân Thạnh Đông (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà